

Số: 121/2023/QĐST-DS

huyện T, ngày 23 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 959/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất*”;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Ông Nguyễn Th, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Ngô H, sinh năm 1958.

2/ Bà Nguyễn L, sinh năm 1986.

3/ Bà Nguyễn G, sinh năm 1991.

4/ Bà Nguyễn N, sinh năm 1997.

Người đại diện hợp pháp của bà H, chị L, chị G và chị N: Ông Nguyễn Th, sinh năm 1959. Theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2023.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

5/ Ông Nguyễn B, sinh năm 1976

Địa chỉ ấp N, xã H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn T, ông Nguyễn Th là bị đơn và người đại diện hợp pháp của hộ gia đình ông Th, ông Nguyễn Đ và ông Nguyễn B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận như sau:

Giao cho bà Nguyễn T và ông Nguyễn B được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất có tổng diện tích đất 1.321,0m² (trong tổng diện tích đất thực đo 1699,5m²), thuộc một phần thửa 385, tờ bản đồ số 02, loại đất: BHK tọa lạc tại: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 714497 cho ông Nguyễn Th ngày 30/7/1994 do nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình ông Nguyễn Th theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực tại Ủy Ban nhân dân xã H số 68 quyền số 1/ 2023- SCT/HĐ,GD ngày 13/3/2023. Cụ thể theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 1394/CNHTC-KTĐC ngày 11/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thì phần đất giao quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn B và bà Nguyễn T là phần đất A có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần B có số đo 34,6m;
- Hướng Tây giáp sông C có số đo 39,5m;
- Hướng Nam giáp thửa 47 có số đo 38,12m;
- Hướng Bắc giáp thửa 107 có số đo 33,56m.

Giao cho ông Nguyễn Đ được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất có tổng diện tích đất 378,5m² (trong tổng diện tích đất thực đo 1699,5m²) đất thuộc một phần thửa 385, tờ bản đồ số 02, loại đất: BHK tọa lạc tại: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 714497 cho ông Nguyễn Th ngày 30/7/1994. Cụ thể theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 1394/CNHTC-KTĐC ngày 11/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thì phần đất công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đ là phần B đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 78 có số đo 38m;
- Hướng Tây giáp phần A có số đo 34,6m;
- Hướng Nam giáp thửa 45 và 47 có số đo 8,82m;
- Hướng Bắc giáp thửa 107 có số đo 6m và 8m.

Các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất, tài sản trên đất (tài sản trên đất bà T, ông B do bà T và ông B hưởng, tài sản trên đất ông Đ do ông Đ hưởng).

Đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh và cấp lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo Quyết định này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất áp dụng án phí không có giá ngạch là 150.000 đồng. Bà Nguyễn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017124 ngày 28/6/2023 của chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, hoàn trả cho bà Nguyễn T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với tranh chấp quyền sử dụng đất áp dụng án phí không có giá ngạch là 150.000 đồng. Ông Nguyễn Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017125 ngày 28/6/2023 của chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, hoàn trả cho ông Nguyễn Đ 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về chi phí tố tụng: là 3.535.263 đồng bà Nguyễn T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng 3.535.263 đồng nhưng trừ vào 3.535.263 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện T nên bà T đã nộp xong chi phí tố tụng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Ngọc Quyền